CÔNG TY CỔ PHẦN THE GOLDEN GROUP
Website: https://thegoldengroup.vn/ | Email: info@thegoldengroup.vn

Số: 82/2026/TGG/CBTT

TP.HCM, ngày 29 tháng 10 năm 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại Khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, CTCP The Golden Group thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) quý 3/năm 2026 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN THE GOLDEN GROUP

- Mã chứng khoán: TGG
- Địa chỉ: Số 269A Nguyễn Trọng Tuyển, phường Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại liên hệ/Tel: Fax: ……..
- Email: info@thegoldengroup.vn Website: https://thegoldengroup.vn/

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC quý 3/năm 2026

☐ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

☒ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

☐ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kề toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC đã được soát xét/kiểm toán .....):

☐ Có ☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có ☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại:

☐ Có ☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có ☐ Không

+ Lợi nhuận sau thế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

☒ Có ☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có ☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

☐ Có ☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có ☐ Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 29/10/2026 tại đường dẫn: *https://thegoldengroup.vn/*

Tài liệu đính kèm:
BCTC Q3/2026
VB giải trình

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN THE GOLDEN GROUP

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN THE GOLDEN GROUP
DN: C=VN, L=TPHCM, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN THE GOLDEN GROUP, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0105787835
Reason: I am the author of this document
Location: your signing location here
Date: 2026.10.29 11:51:54+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 11.2.1

Võ Kim Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ 9 tháng đầu năm 2026

Của

CÔNG TY CỔ PHẦN THE GOLDEN GROUP

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
Báo cáo tài chính riêng	1-17
Báo cáo tình hình tài chính	1-2
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	3
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	4
Bản thuyết minh báo cáo tài chính	5-17

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
Tại ngày 30 Tháng 09 năm 2026

Đơn vị tính: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30-9-2026	01-01-2026 Trình bày lại
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**9.104.581.010**	**12.326.012.927**
I. Tiền	**110**	**V.1**	**226.498.673**	**415.969.971**
Tiền	111		226.498.673	415.969.971
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**339.258.304**	**922.474.521**
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.4	5.366.509.220	7.299.841.586
Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	124	V.6	(5.027.250.916)	(6.377.367.065)
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**5.371.391.618**	**7.839.885.168**
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		229.019.081	279.019.081
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	1.129.653.001	1.246.293.001
Phải thu ngắn hạn khác	135	V.5a	52.550.120.000	52.550.000.000
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	136	V.6	(48.537.400.464)	(46.235.426.914)
III. Tài sản ngắn hạn khác	**160**		**3.167.432.415**	**3.147.683.267**
Thuế GTGT được khấu trừ	162	V.8b	287.448.021	267.698.873
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	163	V.8b	2.879.984.394	2.879.984.394
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**121.691.223.909**	**119.492.001.915**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**126.000.000**	**126.000.000**
Phải thu dài hạn khác	215	V.5b	126.000.000	126.000.000
II. Tài sản cố định	**220**		**15.166.681**	**22.666.678**
Tài sản cố định hữu hình	221		15.166.681	22.666.678
- Nguyên giá	*222*		*50.000.000*	50.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		*(34.833.319)*	(27.333.322)
III. Đầu tư tài chính dài hạn	**260**		**110.072.568.066**	**108.087.923.996**
Đầu tư vào công ty con	261	V.2a	162.700.000.000	162.700.000.000
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	262	V.2a	23.532.000.000	23.532.000.000
Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn	264	V.2a	(76.159.431.934)	(78.144.076.004)
IV. Tài sản dài hạn khác	**270**		**11.477.489.162**	**11.255.411.241**
Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	V.7	11.477.489.162	11.255.411.241
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**280**		**130.795.804.919**	**131.818.014.842**

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
Tại ngày 30 Tháng 09 năm 2026
(tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30-9-2026	01-01-2026
C. NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**1.615.060.786**	**1.746.107.567**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**1.454.260.786**	**1.585.307.567**
Phải trả người bán ngắn hạn	311		84.799.436	87.556.054
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		20.000.000	20.000.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.8a	13.869.167	17.046.666
Chi phí phải trả ngắn hạn	316		-	96.937.350
Doanh thu chờ phân bổ ngắn hạn	319		4.545.455	31.818.182
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	320	V.9a	-	902.587
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.331.046.728	1.331.046.728
II. Nợ dài hạn	**330**		**160.800.000**	**160.800.000**
Phải trả dài hạn khác	338	V.9b	160.800.000	160.800.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**129.180.744.133**	**130.071.907.275**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	**V.10**	**129.180.744.133**	**130.071.907.275**
Vốn góp của chủ sở hữu	411		272.999.900.000	272.999.900.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		272.999.900.000	272.999.900.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		2.889.093.455	2.889.093.455
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(146.708.249.322)	(145.817.086.180)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	420a		(145.817.086.180)	(138.947.025.572)
- LNST chưa phân phối kỳ này	420b		(891.163.142)	(6.870.060.608)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**130.795.804.919**	**131.818.014.842**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 10 năm 2026

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Phó Tổng Giám đốc
Trần Thị Thanh Loan	Trần Thị Thanh Loan	Võ Kim Nguyên

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/09/2026

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Ghi chú	Quý III năm 2026	Quý III năm 2025	Luỹ kế 9 tháng năm 2026	Luỹ kế 9 tháng năm 2025
Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	**01**		**27.272.727**	**107.190.852**	**304.712.082**	**161.386.655**
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**10**		**27.272.727**	**107.190.852**	**304.712.082**	**161.386.655**
Giá vốn hàng bán	11		-	76.918.125	387.616.724	250.078.299
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vu	**20**		**27.272.727**	**30.272.727**	**(82.904.642)**	**(88.691.644)**
Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư	21		-	-	-	-
Doanh thu hoạt động tài chính	22	VI.1	35.823.814	70.923.468	129.910.611	238.043.421
Chi phí tài chính	23	VI.2	105.229.589	1.256.595.503	(3.193.364.508)	2.740.882.148
- Trong đó: Chi phí lãi vay	24		-	-	-	-
Chi phí bán hàng	25		-	-	-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.3	1.005.351.208	489.561.245	4.131.534.019	3.072.121.100
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	**30**		**(1.047.484.256)**	**(1.644.960.553)**	**(891.163.542)**	**(5.663.651.471)**
Thu nhập khác	31		400	-	400	1.909.090.911
Chi phí khác	32		-	-	-	65.000.000
Lợi nhuận khác	**40**		**400**	-	**400**	**1.844.090.911**
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**50**		**(1.047.483.856)**	**(1.644.960.553)**	**(891.163.142)**	**(3.819.560.560)**
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-	-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN	**60**		**(1.047.483.856)**	**(1.644.960.553)**	**(891.163.142)**	**(3.819.560.560)**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 10 năm 2026

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Phó Tổng Giám đốc
Trần Thị Thanh Loan	Trần Thị Thanh Loan	Võ Kim Nguyên

CÔNG TY CỔ PHẦN THE GOLDEN GROUP
THE GOLDEN GROUP
M.S.D.N: 0105787833

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
Theo phương pháp gián tiếp
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/09/2026

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Ghi chú	Cho kỳ 9 tháng đầu năm 2026	Cho kỳ 9 tháng đầu năm 2025
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	**(891.163.142)**	**(3.819.560.560)**
Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02	7.499.997	7.499.997
Các khoản dự phòng	03	(1.032.786.669)	2.421.188.012
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	05	(129.911.011)	(2.147.134.332)
3. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi VLĐ	***08***	**(2.046.360.825)**	**(3.538.006.883)**
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	189.798.650	2.232.380.810
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	368.953.219	(2.079.614.640)
(Tăng)/giảm chi phí chờ phân bổ	12	(222.077.921)	262.031.935
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**	**(1.709.686.877)**	**(3.123.208.778)**
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(160.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	750.000.000	900.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(200.000.000)
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	770.215.579	31.051.951
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**	**1.520.215.579**	**571.051.951**
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	**50**	**(189.471.298)**	**(2.552.156.827)**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	415.969.971	2.948.620.873
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	**70**	**226.498.673**	**396.464.046**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 10 năm 2026

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Phó Tổng Giám đốc
Trần Thị Thanh Loan	Trần Thị Thanh Loan	Võ Kim Nguyên

CÔNG TY CỔ PHẦN THE GOLDEN GROUP
M.S.D.N: 0105787...
THE GOLDEN GROUP

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ 9 tháng đầu năm 2026

I . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1 . Thông tin doanh nghiệp

Công ty cổ phần The Golden Group được đổi tên từ Công ty cổ phần Louis Capital (tiền thân là Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Trường Giang). Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh doanh nghiệp số 0105787835, đăng ký lần đầu ngày 10/02/2012 và đăng ký thay đổi lần thứ 18 ngày 06/09/2025 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Thông tin về trụ sở chính: Số 269A Nguyễn Trọng Tuyển, P. Phú Nhuận,TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty được đăng ký giao dịch (UPCoM) tại sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu là TGG.

Hoạt động chính của Công ty trong năm là tư vấn quản lý, cho thuê mặt bằng, kinh doanh chứng khoán.

2 . *Cấu trúc doanh nghiệp*

Tại ngày 30 Tháng 09 năm 2026, Công ty có 3 công ty con cụ thể như sau:

Danh sách các công ty con

Stt	Tên doanh nghiệp	Trụ sở chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Vốn điều lệ thực góp tại ngày 30/09/2026	Hoạt động kinh doanh chính
1	Công ty cổ phần Quản lý và khai thác tài sản Louis AMC	TPHCM	79,8%	111.127.000.000	Mua bán tài sản, mua bán nợ
2	Công ty TNHH MTV Kho vận Wings Global	TPHCM	100,0%	2.000.000.000	Kho vận, logistics
3	Công ty TNHH Angimex Furious	An Giang	51%	100.000.000.000	Mua bán xe gắn máy và phụ tùng, dịch vụ sửa chữa

Danh sách các công ty liên kết

Tại ngày 30 Tháng 09 năm 2026, Công ty có 1 công ty liên kết cụ thể như sau:

Stt	Tên doanh nghiệp	Trụ sở chính	Tỷ lệ quyền biểu	Vốn điều lệ thực góp tại ngày 30/09/2026	Hoạt động kinh doanh chính
1	Công ty Cổ phần Xây dựng và Tư Vấn Đầu tư	TPHCM	35,65%	66.000.000.000	Xây dựng, lắp đặt và tư vấn liên quan đến công trình xây dựng tư vấn đầu tư

II . KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1 . Kỳ kế toán năm: Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc ngày 31/12 năm dương lịch.

2 . Đơn vị tiền tệ: Đồng Việt Nam

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1 . Chuẩn mực và hệ thống kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo thông tư 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính và các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

2 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

3 . Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV . CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1 . Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được áp dụng nhất quán với với các chính sách đã được áp dụng để lập các báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025

2 . Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi cấn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả kinh doanh.

4 . Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

5 . Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

6 . Các khoản đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác

Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày kết thúc kỳ kế toán tương ứng với chênh lệch giữa giá gốc của cổ phiếu với giá trị thị trường tại ngày đó theo hướng dẫn của Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 26 tháng 6 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính của doanh nghiệp trong kỳ.

7 . Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí thuê đất dài hạn trả trước, chi phí phát hành trái phiếu và các chi phí khác phát sinh mang lại lợi ích kinh tế trong khoảng thời gian hơn một năm.

8 . Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa. Các khoản phải trả nhà thầu xây dựng cho dự án bất động sản được ghi nhận theo biên bản nghiệm thu khối lượng giữa hai bên, không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

9 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ, chi phí lãi vay được vốn hóa và chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

10 . Vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Nguyên tắc ghi nhận quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được phê duyệt bởi các chủ sở hữu theo nghị quyết hàng năm của đại hội đồng cổ đông. Quỹ được sử dụng để mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận được phân phối cho các chủ sở hữu theo nghị quyết hàng năm của đại hội đồng cổ đông.

11 . Ghi nhận doanh thu

Doanh thu hoạt động tài chính

Là doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi ngân hàng, lãi chậm thanh toán, lãi mua bán chứng khoán kinh doanh, được ghi nhận trên cơ sở thông báo về lãi tiền gửi hàng tháng của ngân hàng, bảng tính lãi chậm thanh toán, lãi khi bán chứng khoán kinh doanh.

12 . Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1 . Tiền và các khoản tương đương tiền

	30-9-2026	01-01-2026
Tiền mặt	141.399.905	141.399.905
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	85.098.768	274.570.066
	226.498.673	**415.969.971**

2 . Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	30-9-2026			01-01-2026		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
a) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác						
- Đầu tư vào công ty con	**162.700.000.000**	**86.540.568.066**	**76.159.431.934**	**162.700.000.000**	**84.555.923.996**	**78.144.076.004**
Công ty cổ phần quản lý và khai thác tài sản Louis AMC (1)	*88.700.000.000*	*19.393.688.370*	*69.306.311.630*	*88.700.000.000*	*19.316.248.854*	*69.383.751.146*
Công Ty TNHH MTV Kho Vận Wings Global (2)	*2.000.000.000*	-	*2.000.000.000*	*2.000.000.000*	-	*2.000.000.000*
Công ty TNHH Angimex Furious (3)	*72.000.000.000*	*67.146.879.696*	*4.853.120.304*	*72.000.000.000*	*65.239.675.142*	*6.760.324.858*
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	**23.532.000.000**	**23.532.000.000**	-	**23.532.000.000**	**23.532.000.000**	-
Công ty Cổ phần Xây dựng và Tư Vấn Đầu tư (4)	*23.532.000.000*	*23.532.000.000*	-	*23.532.000.000*	*23.532.000.000*	-

(1) Trong năm 2021, Công ty đã góp vốn vào Công ty cổ phần Quản lý và khai thác tài sản Louis AMC với tổng số tiền góp vốn theo mệnh giá là 88.700.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 85,6% vốn thực góp và chiếm tỷ lệ 85,6% quyền biểu quyết. Trong năm 2022, do công ty cổ phần Quản lý và khai thác tài sản Louis AMC tăng vốn thực góp, dẫn đến thay đổi tỷ lệ thành 79,8% vốn thực góp và 79,8% quyền biểu quyết.

(2) Trong năm 2021, Công ty đã góp vốn vào Công ty TNHH MTV Kho vận Wings Global với tổng số tiền góp vốn là 2.000.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 100% vốn thực góp và chiếm tỷ lệ 100% quyền biểu quyết.

(3) Trong năm 2021, Công ty đã mua lại vốn góp của Công ty TNHH Angimex Furious với tổng số tiền mua theo vốn điều lệ là 49.000.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 49% vốn thực góp và chiếm tỷ lệ 49% quyền biểu quyết. Ngày 23/12/2022, Công ty CP XNK An Giang mua lại vốn góp với số tiền mua theo vốn điều lệ là 19.000.000.000 đồng. Do đó, tại ngày 31/12/2022, số dư vốn góp mà Công ty CP The Golden Group đang nắm giữ chỉ chiếm tỷ lệ 30% vốn thực góp công ty TNHH Angimex Furious. Trong tháng 12/2023, Công ty đã mua thêm 21 tỷ vốn góp của Công ty TNHH Angimex Furious, chiếm tỷ lệ từ 30% lên 51% vốn thực góp công ty TNHH Angimex Furious. Trong năm 2024, Công ty TNHH Angimex Furious hoàn tiền góp vốn theo nghị quyết số :26/NQ-HDTV ngày 26/01/2024 , và Công ty chi tiền góp vốn tại Công ty TNHH Angimex Furious theo nghị quyết số :27/NQ-HDTV ngày 01/02/2024 .

(4) Từ tháng 5/2023 đến tháng 10/2023, Công ty đã mua lại cổ phần của Công ty Cổ phần Xây dựng và Tư Vấn Đầu tư với tổng số tiền là 20.654.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 31,29% vốn điều lệ. Ngày 16/08/2024, Công ty mua 0,76% cổ phần với số tiền là 500.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ là 32,05%. Ngày 07/11/2024, Công ty mua 3,3% cổ phần với số tiền là 2.178.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ là 35,35%. Ngày 25/03/2025, Công ty mua 0,3% cổ phần với số tiền là 200.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ là 35,65%.

3 . Trả trước cho người bán

	30-9-2026	01-01-2026
Trả trước ngắn hạn cho người bán	1.129.653.001	1.246.293.001
	1.129.653.001	**1.246.293.001**
Chi tiết:		
CN công ty ACC Xí nghiệp tư vấn thiết kế và xây dựng ACC	*430.000.000*	*430.000.000*
Công ty TNHH kiến trúc và chuyển giao công nghệ Hà Nội	*550.000.001*	*550.000.001*
Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam	-	*116.640.000*
Khác	*149.653.000*	*149.653.000*
	1.129.653.001	***1.246.293.001***

4 . Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

	30-9-2026	01-01-2026 Trình bày lại
Cho vay nội bộ ngắn hạn (Giá gốc)		
+ Công Ty Cổ Phần Quản Lý Và Khai Thác Tài Sản Louis AMC	1.003.865.921	1.753.865.921
+ Công Ty Cổ Phần Xây Dựng Và Tư Vấn Đầu Tư	-	500.000.000
+ Công Ty Cổ Phần HB Pharma	160.000.000	160.000.000
	1.163.865.921	**2.413.865.921**
Cho vay nội bộ ngắn hạn (Giá trị ghi sổ)		
+ Công Ty Cổ Phần Quản Lý Và Khai Thác Tài Sản Louis AMC	4.639.017.711	6.071.778.025
+ Công Ty Cổ Phần Xây Dựng Và Tư Vấn Đầu Tư	-	511.342.466
+ Công Ty Cổ Phần HB Pharma	727.491.509	716.721.095
	5.366.509.220	**7.299.841.586**
Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn		
+ Công Ty Cổ Phần Quản Lý Và Khai Thác Tài Sản Louis AMC	4.639.017.711	6.071.778.025
+ Công Ty Cổ Phần HB Pharma	388.233.205	305.589.040
	5.027.250.916	**6.377.367.065**

5 . Phải thu khác

	30-9-2026	01-01-2026 Trình bày lại
a) Ngắn hạn		
Tạm ứng cho nhân viên/(Phải trả cho nhân viên)	120.000	-
Phải thu Từ Thị Hồng Thanh (a)	45.000.000.000	45.000.000.000
Phải thu Vũ Minh Hoàng (b)	7.550.000.000	7.550.000.000
	52.550.120.000	**52.550.000.000**

Chi tiết

(a) Đây là khoản tiền Công ty đã trả trước cho bà Từ Thị Hồng Thanh để mua lại 7.500.000 cổ phần Công ty Cổ phần Golden Paddy với giá trị 75.000.000.000 VND theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 01/2021/HĐCNCP ngày 10/09/2021. Đến ngày 31/12/2021, bà Từ Thị Hồng Thanh đã hoàn thành chuyển nhượng cho Công ty 3.000.000 cổ phần, tương ứng giá trị theo mệnh giá là 30.000.000.000 VND. Số tiền Công ty đã trả trước còn lại là 45.000.000.000 VND, tương ứng với 4.500.000 cổ phần mà bà Từ Thị Hồng Thanh chưa có quyền sở hữu nên chưa thể chuyển nhượng cho Công ty. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty chưa liên hệ được với bà Từ Thị Hồng Thanh để thu hồi số tiền này.

(b) Đây là khoản chuyển nhượng phần vốn góp của Công ty Cổ phần HB Pharma với ông Bùi Ngọc Mỹ theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 78/2024/HĐCNCP/TGG-BNM ký ngày 01 tháng 12 năm 2024. Tổng số cổ phần chuyển nhượng là 755.000 cổ phần tương đương 7.550.000.000 VND (mệnh giá 10.000 VND/cổ phần). Ngày 15 tháng 07 năm 2025, Công ty đã ký Biên bản thỏa thuận ba bên giữa Công ty, ông Bùi Ngọc Mỹ và ông Vũ Minh Hoàng về việc ông Vũ Minh Hoàng sẽ thanh toán toàn bộ số tiền mua lại cổ phần cho Công ty do giữa ông Bùi Ngọc Mỹ và ông Vũ Minh Hoàng đã ký Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 492/2025/HĐCNCP/TGG.BNM ngày 15/07/2025 chuyển nhượng toàn bộ cổ phần Công ty Cổ phần HB Pharma cho ông Vũ Minh Hoàng. Đến thời điểm phát hành Báo cáo này, Công ty chưa thu được số tiền chuyển nhượng nêu trên.

6 . Nợ xấu

	9/30/2026			1/1/2026		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
Phải thu ngắn hạn của khách hàng						
Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ AKISEI	*32.400.000*	-	*32.400.000*	*32.400.000*	-	*32.400.000*
Công Ty TNHH XNK Lương Thực Thực Phẩm Thiên Vũ	*54.000.000*	-	*54.000.000*	*54.000.000*	-	*54.000.000*
Công Ty CP Đầu Tư Xây Dựng Dv Nguyên Khôi	*17.393.913*	-	*17.393.913*	*17.393.913*	-	*17.393.913*
Công Ty Cổ Phần Dược Và Thiết Bị Y Tế Ustella	*123.245.168*	*86.271.618*	*36.973.550*	*173.245.168*	*173.245.168*	-
Công Ty Cổ Phần Thương Mại Và Giải Pháp Công Nghiệp Việt Nam	*1.980.000*	-	*1.980.000*	*1.980.000*	-	*1.980.000*

Trả trước cho người bán ngắn hạn						
Chi nhánh Tổng Công ty ACC - Xí nghiệp tư vấn thiết kế và xây dựng ACC	*430.000.000*	-	*430.000.000*	*430.000.000*	-	*430.000.000*
Công ty TNHH Kiến trúc và chuyển giao công nghệ Hà Nội	*550.000.001*	-	*550.000.001*	*550.000.001*	-	*550.000.001*
Công ty cổ phần Đầu tư và Tư vấn Phương Bắc - Chi nhánh Phú Thọ	*66.653.000*	-	*66.653.000*	*66.653.000*	-	*66.653.000*
Trung tâm tư vấn và phát triển lâm nghiệp	*50.000.000*	-	*50.000.000*	*50.000.000*	-	*50.000.000*
Công ty cổ phần Kiến trúc và Xây dựng AU	*33.000.000*	-	*33.000.000*	*33.000.000*	-	*33.000.000*
Phải thu khác						
Bà Từ Thị Hồng Thanh	*45.000.000.000*	-	*45.000.000.000*	*45.000.000.000*	-	*45.000.000.000*
Ông Vũ Minh Hoàng	*7.550.000.000*	*5.285.000.000*	*2.265.000.000*	*7.550.000.000*	*7.550.000.000*	-
Tổng cộng	**53.908.672.082**	**5.371.271.618**	**48.537.400.464**	**53.958.672.082**	**7.723.245.168**	**46.235.426.914**

7 . Chi phí chờ phân bổ

	30-9-2026	01-01-2026
a) Dài hạn		
Chi phí thuê diện tích thương mại dịch vụ, văn phòng tòa nhà SME Hoàng Gia (*)	10.995.670.980	11.255.411.241
Chi phí thuê văn phòng	481.818.182	-
Tổng	**11.477.489.162**	**11.255.411.241**

(*)Chi phí thuê diện tích thương mại dịch vụ, văn phòng tòa nhà SME Hoàng Gia theo Hợp đồng cho thuê số 01-T5(S1.S3)HĐCTMB/SME-HG ngày 20/6/2016 giữa Công ty cổ phần Tập đoàn Bất động sản Hoàng Gia và Công ty. Tổng diện tích thuê là 582,0m2, thời hạn thuê từ tháng 6/2016 đến hết tháng 6/2058, tổng giá trị tiền thuê của hợp đồng là 16.000.000.000 đồng.

8 . Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Tình hình thực hiện nghĩa vụ Thuế và các khoản nộp Ngân sách Nhà nước trong kỳ như sau :

	30-9-2026	Phát sinh tăng/ giảm	Số đã thực nộp	01-01-2026
a) Phải nộp				
Thuế thu nhập cá nhân từ lương	13.869.167	97.262.136	100.439.635	17.046.666
	13.869.167	**97.262.136**	**100.439.635**	**17.046.666**
b) Phải thu				
Thuế GTGT hàng nội địa	287.448.021	19.749.148	-	267.698.873
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	2.879.984.394	-	-	2.879.984.394
	3.167.432.415	**19.749.148**	**-**	**3.147.683.267**

9 . Các khoản phải trả, phải nộp khác

	30-9-2026	01-01-2026
a) Ngắn hạn		
Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	-	902.587
Cộng	**-**	**902.587**

	30-9-2026	01-01-2026
b) Dài hạn		
- Nhận tiền cọc cho thuê văn phòng tòa nhà SME	160.800.000	160.800.000
Cộng	**160.800.000**	**160.800.000**

10 . Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Qũy Đầu tư và Phát triển	LN sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư đầu năm trước	**272.999.900.000**	**2.889.093.455**	**(138.947.025.572)**	**136.941.967.883**
Lãi/Lỗ trong năm	-	-	(6.870.060.608)	(6.870.060.608)
Số dư đầu năm nay	**272.999.900.000**	**2.889.093.455**	**(145.817.086.180)**	**130.071.907.275**
Lãi/lỗ trong năm nay	-	-	(891.163.142)	(891.163.142)
Số dư cuối kỳ	**272.999.900.000**	**2.889.093.455**	**(146.708.249.322)**	**129.180.744.133**

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	30-9-2026		01-01-2026	
	Số tiền	%	Số tiền	%
Ngô Quang Tuấn	29.000.000.000	10,62%	29.000.000.000	10,62%
Các cổ đông khác	243.999.900.000	89,38%	243.999.900.000	89,38%
	272.999.900.000	**100%**	**272.999.900.000**	**100%**

Cổ phiếu	**30-9-2026**	**01-01-2026**
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	**27.299.990**	**27.299.990**
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/ ban hành ra công chúng	**27.299.990**	**27.299.990**
- Cổ phiếu phổ thông	27.299.990	27.299.990
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	**27.299.990**	**27.299.990**
- Cổ phiếu phổ thông	27.299.990	27.299.990

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

1 . Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ 9 tháng đầu năm 2026	Cho kỳ 9 tháng đầu năm 2025
- Lãi tiền gửi NH	35.987.661	80.296.911
- Lãi cho vay	93.922.950	157.746.510
Cộng	**129.910.611**	**238.043.421**

2 . Chi phí tài chính

	Cho kỳ 9 tháng đầu năm 2026	Cho kỳ 9 tháng đầu năm 2025
- (Hoàn nhập)/Trích lập khoản dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác	(3.193.364.508)	2.740.882.148
Cộng	**(3.193.364.508)**	**2.740.882.148**

3 . Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Cho kỳ 9 tháng đầu năm 2026	Cho kỳ 9 tháng đầu năm 2025
- Chi phí nhân viên quản lý	1.293.256.486	1.836.452.565
- Chi phí đồ dùng văn phòng	650.000	50.528.077
- Chi phí khấu hao TSCĐ	7.829.997	7.499.997
- Thuế, phí và lệ phí	-	6.000.000
- (Hoàn nhập)/ trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi	2.160.577.839	(319.694.136)
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	610.352.803	1.364.287.733
- Chi phí bằng tiền khác	58.866.894	127.046.864
Cộng	**4.131.534.019**	**3.072.121.100**

4 . Nghiệp Vụ Với Các Bên Liên Quan

Danh sách bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Công ty và các bên liên quan khác có giao dịch với Công ty và các công ty con trong năm và tại ngày 30 tháng 09 năm 2026 như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Ông Nguyễn Kiên Giang	Thành viên Ban kiểm soát từ ngày 22/03/2023 đến ngày 18/07/2025
Ông Vũ Minh Hoàng	Lãnh đạo của Công ty có liên quan do cùng người kiểm soát.
Công Ty Cổ Phần HB Pharma ("HB Pharma")	Công ty có liên quan do cùng người kiểm soát.
Công Ty Cổ Phần Quản Lý Và Khai Thác Tài Sản Louis AMC ("Louis AMC")	Công ty con
Công Ty Cổ Phần Xây Dựng Và Tư Vấn Đầu Tư ("CIC")	Công ty liên kết
Công Ty TNHH Angimex Furious ("Angimex Furious")	Công ty con
Công Ty TNHH MTV Golden Paddy ("Golden Paddy")	Công ty con
Công Ty TNHH Một Thành Viên Thu Mua Phụ Phẩm ("PBP")	Công ty con

4.1 Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ này và kỳ trước bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Cho kỳ 9 tháng đầu năm 2026	Cho kỳ 9 tháng đầu năm 2025
HB Pharma (*)	Công ty con	Lãi cho vay	10.770.414	2.406.576
		Cho HB vay		160.000.000
		Chi hộ	-	1.250.640

(*) Kể từ ngày 23/12/2024, Công ty cổ phần HB Pharma không còn là công ty con của tập đoàn, nhưng vẫn là công ty có liên quan do cùng người kiểm soát.

Louis AMC	Công ty con	Lãi cho vay	87.239.686	186.190.374
		Louis AMC trả lãi vay	770.000.000	-
		Thu gốc cho vay từ Louis AMC	750.000.000	800.000.000

CIC	Công ty liên kết	Lãi cho vay	31.684.932	39.994.519
		CIC trả lãi vay	-	21.599.999
		Thu gốc cho vay từ CIC		100.000.000
		Chi phí sửa chữa, cải tạo văn phòng		302.995.838
		Mua cổ phần CIC	-	200.000.000
		Bù trừ công nợ và gốc vay	500.000.000	-
		Bù trừ công nợ và lãi vay	43.027.398	26.679.451
		Phí thuê văn phòng CIC	490.909.091	-
Ông Nguyễn Kiên Giang	Thành viên Ban kiểm soát	Mua cổ phần CIC từ ông Nguyễn Kiên Giang	-	200.000.000
Ông Nguyễn Xuân Hòa	Thành viên độc lập HĐQT	Công ty cho thuê văn phòng	-	54.418.125

4.2 Chi tiết các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan tại ngày 30 tháng 09 năm 2026 và ngày 01 tháng 01 năm 2026 như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	30-9-2026	01-01-2026
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn *(Thuyết minh số V.4)*				
HB Pharma	Công ty con	Phải thu về cho vay	160.000.000	160.000.000
Louis AMC	Công ty con	Phải thu về cho vay	1.003.865.921	1.753.865.921
CIC	Công ty liên kết	Phải thu về cho vay	-	500.000.000
Cộng			**1.163.865.921**	**2.413.865.921**
HB Pharma	Công ty con	Lãi cho vay	567.491.509	556.721.095
Louis AMC	Công ty con	Lãi cho vay	3.635.151.790	4.317.912.104
CIC	Công ty liên kết	Lãi cho vay	-	11.342.466
Cộng			**4.202.643.299**	**4.885.975.665**
Các khoản phải thu ngắn hạn khác *(Thuyết minh số V5.a)*				
Ông Vũ Minh Hoàng	Bên liên quan	Chuyển nhượng CP	7.550.000.000	7.550.000.000
Cộng			**7.550.000.000**	**7.550.000.000**
Phải trả người bán ngắn hạn				
CIC	Công ty liên kết	Phải trả người bán ngắn hạn	84.528.656	87.556.054
Cộng			**84.528.656**	**87.556.054**

4.3 Thông tin so sánh

Trừ khi có quy định khác, số liệu so sánh tại ngày 01 tháng 01 năm 2026 được lấy từ các số dư và số liệu đã được trình bày trên báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026, Công ty áp dụng Thông tư 99 theo phương pháp áp dụng phi hồi tố. Một số chỉ tiêu của thông tin so sánh đã được phân loại lại nhằm phù hợp với các quy định về trình bày báo cáo tài chính theo Thông tư 99. So sánh giữa các số liệu đã trình bày trước đây và các số liệu sau khi được phân loại lại như sau:

	Mã số	Tại ngày 1/1/2026 VND Điều chỉnh lại	Tại ngày 1/1/2026 VND Đã kiểm toán	Chênh lệch
TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**	**12.326.012.927**	**12.326.012.927**	**-**
Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**	**922.474.521**	**-**	**922.474.521**
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	7.299.841.586	-	7.299.841.586
Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	124	(6.377.367.065)	-	(6.377.367.065)
Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**	**7.839.885.168**	**8.762.359.689**	**(922.474.521)**
Phải thu ngắn hạn về cho vay			2.413.865.921	(2.413.865.921)
Phải thu ngắn hạn khác	135	52.550.000.000	57.435.975.665	(4.885.975.665)
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136	(46.235.426.914)	(52.612.793.979)	6.377.367.065
TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**	**119.492.001.915**	**119.492.001.915**	**-**
TỔNG TÀI SẢN	**280**	**131.818.014.842**	**131.818.014.842**	**-**
NỢ PHẢI TRẢ	**300**	**1.746.107.567**	**1.746.107.567**	**-**
Nợ ngắn hạn	**310**	**1.585.307.567**	**1.585.307.567**	**-**
Nợ dài hạn	**330**	**160.800.000**	**160.800.000**	**-**
VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**	**130.071.907.275**	**130.071.907.275**	**-**
TỔNG NGUỒN VỐN	**440**	**131.818.014.842**	**131.818.014.842**	**-**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 10 năm 2026

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Phó Tổng Giám đốc
Trần Thị Thanh Loan	Trần Thị Thanh Loan	Võ Kim Nguyên